

Bản án số: **39/2022/HS-ST**
Ngày: 16 - 5 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và ông Vũ Đăng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngoan và bà Dương Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Văn N - Sinh năm 1988.

Nơi sinh: Xã HT, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn LP, xã HT, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Phạm Văn Qu, sinh năm 1964 và bà Đặng Thị D, sinh năm 1967. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Có vợ là chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Bản án số 163/2018/HSST ngày 05/9/2018 của TAND thành phố Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, N kháng cáo. Bản án phúc thẩm số 118/2018/HSPT ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Hải

Dương sửa án sơ thẩm, xử phạt N 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội Gây rối trật tự công cộng. N đang chấp hành thời gian thử thách của án treo

Tiền sự: Không.

Tạm giữ: Không.

Tạm giam: Từ ngày 13/8/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nhữ Văn T - Sinh năm 1990.

Nơi sinh: Xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn AĐ, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Nhữ Văn V, sinh năm 1965 và con bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1966. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Có vợ là chị Vũ Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1992, Bị cáo có 02, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giữ: Từ ngày 26/7/2021 đến ngày 03/8/2021.

Tạm giam: Từ ngày 03/8/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Thái H, sinh ngày 06/01/2005 (*Vắng mặt*).

Người giám hộ: Ông Nguyễn Thái H và bà Nguyễn Thị H (là bố mẹ đẻ) (*Vắng mặt*).

+ Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*).

+ Anh Hoàng Trọng M, sinh năm 1998 (*Có mặt*).

+ Anh Hoàng Kim P, sinh năm 1998 (*Vắng mặt*).

+ Anh Trần Văn L, sinh năm 1990 (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2021, Phạm Văn N mở quán Karaoke BadBoy có địa chỉ tại thôn LP, xã HT, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, đồng thời N nhờ anh Đặng Hồng M ở cùng thôn LP, xã HT đứng tên đăng ký kinh doanh hộ, còn N trực tiếp điều hành, quản lý mọi hoạt động của quán.

Quán Karaoke BadBoy có 04 phòng hát đặt tên là: 2222, 3333, 6666, 8888. N thuê Hoàng Trọng M (tên gọi khác là Nh) làm quản lý, thu ngân khi N không có mặt ở quán với mức lương 6.000.000đ/tháng; thuê Nguyễn Khắc ĐT và Nguyễn Thái H làm nhân viên phục vụ, có nhiệm vụ dọn dẹp, mở đóng cửa cho khách. N giao cho Nhữ Văn T quản lý nhân viên nữ của quán, gọi nhân viên nữ ở ngoài và bố trí phòng hát cho khách khi cần. N thuê các nhân viên nữ phục vụ tại quán là Hồ Thị H, Đào Thị Tr, Ngô Thảo L, Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị Kiều O. Nhiệm vụ của các nhân viên nữ là rót bia, bấm bài hát hoặc nhảy cùng khách.

Phạm Văn N chỉ đạo Nhữ Văn T mua dụng cụ sử dụng ma túy (khò lửa, bình ga, bật lửa) để sẵn ở trong phòng hoặc ngoài hành lang, nếu khách có nhu cầu thì sẽ mang vào cho khách. N quy định giá phòng hát thường là 300.000đ/giờ, giá phòng “bay” (là phòng nghe nhạc mạnh và sử dụng trái phép chất ma túy) là 500.000đ/giờ; nếu gọi nhân viên nữ phục vụ phòng thường là 120.000đ/giờ, phòng “bay” là 150.000đ/giờ. Khi N có mặt thì trực tiếp quản lý, điều hành quán, khi vắng mặt sẽ giao cho Hoàng Trọng M hoặc Nhữ Văn T quản lý, ngoài ra N theo dõi, quản lý và điều hành qua hệ thống Camera kết nối với điện thoại để chỉ đạo.

Khoảng 19 giờ ngày 24/7/2021, N đi đến quán thấy có Hoàng, Trường, Nhữ Văn T, còn Hoàng Trọng M xin nghỉ nên N giao cho Nhữ Văn T quản lý quán và N đi về nhà. Sau đó, có khách đến thuê phòng “bay” (thuê phòng hát và sử dụng trái phép chất ma túy), Nhữ Văn T đã nhắn tin thông báo và N đồng ý để T sắp xếp cho khách “bay” tại 4 phòng (2222, 3333, 6666, 8888) của quán, đồng thời T tự bán trái phép chất ma túy cho các phòng khi khách có nhu cầu, cụ thể là:

- Tại phòng 2222: Khoảng 21 giờ ngày 24/7/2021, Hoàng Kim P, Nguyễn Tiến D, Dương Văn N, Lê Văn K đều ở cùng thôn VX, xã NQ, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương và Nguyễn Văn M ở thôn PL, xã NQ, huyện Thanh Miện

cùng ngồi chơi ở ngã 3 thôn, sau đó cả nhóm rủ nhau đến quán Karaoke BadBoy để hát Karaoke. Khoảng 22 giờ cùng ngày, nhóm của Ph đến nơi hỏi thuê phòng và gọi nhân viên thì được Nhữ Văn T sắp xếp vào phòng 2222 để hát, điều hành Ngô Thảo L, Nguyễn Minh H, Hồ Thị H, Nguyễn Thị Kiều O vào phòng hát và phục vụ khách. Sau khi mọi người vào phòng, D gọi điện rủ Vùi Thị Ph và Lù Thị D là người quen; M và N quay về rủ và đón Phạm Như Th ở cùng thôn; Ph gọi điện cho anh Nguyễn Văn Ch (là lái xe taxi) ở thôn Bình Cách, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang đến đón Trịnh Thị Th là bạn của Ph đến quán để hát Karaoke cùng mọi người.

Trong lúc mọi người đang hát, Ph ra hành lang gặp và hỏi mua của Nhữ Văn T 04 viên ma túy "kẹo" và 01 túi "ke" với giá 3.200.000đ để sử dụng cho bản thân. Sau đó, Ph lấy 01 viên kẹo ra sử dụng, đổ túi "ke" ra đĩa dùng thẻ "xào ke", lấy tờ tiền polime mệnh giá 50.000đ quấn thành ống hút rồi sử dụng 02 đường ke, sau đó nhắm mắt lắc lư theo nhạc, số ma túy còn lại Ph để ở trên bàn mọi người đều tự ý lấy sử dụng (hiện không xác định được những ai dùng loại ma túy nào). Chị Ph, chị H, anh Ch ngồi nghe nhạc, không sử dụng ma túy, đến khoảng 01 giờ 55 phút ngày 25/7/2021 thì bị Ph hiện, bắt quả tang.

- Tại phòng 3333: Khoảng 20 giờ ngày 24/7/2021, Phạm Thanh Ng đi taxi đến nhà Trần Văn L ở thôn MT, xã BM, huyện Bình Giang để hỏi chuyện L nợ tiền nhưng chưa trả. L rủ Ng ra quán Karaoke để nói chuyện cho thoải mái vì nói chuyện ở nhà sợ gia đình L biết, đồng thời bảo Ng cho vay thêm 6.000.000đ đi có việc. Sau khi nhận tiền, L đi đến khu vực thôn C, xã LX gặp và mua của người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) 4 viên ma túy "kẹo" và 01 túi ma túy "ke" với giá 4.000.000đ. L gọi điện cho Ng bảo đến quán BadBoy để hát và nói chuyện. Nhữ Văn T sắp xếp cho L và Ng vào phòng 3333, L bảo T gọi thêm 02 nhân viên nữ phục vụ. T bảo Vũ Hồng L và Nguyễn Thị H (là nhân viên tự do), Đào Thị Tr (là nhân viên của quán) vào phục vụ. Trong lúc hát, L lấy 01 viên ma túy kẹo sử dụng rồi đổ ma túy "ke" ra đĩa xào, cuộn ống hút bằng tờ tiền 10.000đ rồi hít 2 đường, số ma túy còn lại L để trên bàn, sau đó nhắm mắt nghe nhạc. Lúc này Ng, L, H thấy trên bàn có ma túy nên tự ý lấy sử dụng. Trang vào phòng thấy mọi người đang nhảy, nhìn thấy ma túy trên bàn cũng tự lấy sử dụng và nhảy cùng mọi người. Một lúc sau, khi tỉnh dậy L tìm ma túy để sử dụng thì thấy trên đĩa đã hết, L tiếp tục liên lạc với Đ mua 01 túi ma túy "ke" với giá 1.000.000đ sử dụng hết. Đến khoảng 01 giờ 55 phút ngày 25/7/2021 thì bị Ph hiện, bắt giữ.

- Tại phòng 6666: Tối ngày 24/7/2021, Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Văn L2 và Phạm Văn H đều ở thôn TL, xã ĐT, huyện Thanh Miện cùng nhau ăn cơm tại nhà Nguyễn Ngọc K. Sau khi ăn xong, khoảng 22 giờ cùng ngày, cả 3 đi taxi đến quán Karaoke BadBoy gặp Nhữ Văn T thuê phòng hát và nhân viên phục vụ, T sắp xếp phòng 6666 và bảo Đồng Thị T, Trương Thị A, Lò Thị Đ, Hoàng Thị Th và Lê Thị B vào phòng phục vụ và hát cùng khách. Sau khi hát được khoảng 05 phút thì Nguyễn Ngọc K đi xuống quầy lễ tân gặp và mua của Nhữ Văn T 4 viên ma túy "kẹo" và 01 túi ma túy "ke" với giá 6.800.000đ (H chưa trả tiền T). Nguyễn Ngọc K bảo T thuê cho phòng của H một người đánh nhạc. T đồng ý và gọi Nguyễn Văn Thắng ở thôn Bùi Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang đến đánh nhạc cho phòng 6666. Nguyễn Ngọc K mang ma túy lên phòng, để tại bàn, rồi sử dụng ma túy dạng kẹo, tự lấy đĩa đựng hoa quả để xào ke, cuộn ống hút bằng tờ tiền 20.000đ sau đó lên nhảy theo nhạc cùng mọi người, số ma túy còn lại Nguyễn Ngọc K để trên bàn để sử dụng cho bản thân. Khi thấy Nguyễn Ngọc K lên nhảy thì L2, Phạm Văn H, Thanh, Bình, Đải, Thắng đều tự lấy ma túy "kẹo" và "ke" của Nguyễn Ngọc K sử dụng; Toan và Trương Thị Anh chỉ hát cùng mọi người, không sử dụng ma túy. Đến 01 giờ 55 phút ngày 25/7/2021 bị Ph hiện, bắt quả tang.

- Tại phòng 8888: Khoảng 21 giờ ngày 24/7/2021, Vũ Đình N1, Vũ Văn D, Vũ Đình Gi, Lê Đức K, Lê Đức Ph, Vũ Đình Th, Lê Đức Đ đều ở thôn TC, xã CP và Vũ Bá Đ ở thôn CV, xã CP, huyện Cẩm Giàng cùng bàn bạc thống nhất góp tiền mua ma túy, thuê phòng hát 8888 quán Karaoke Badboy để sử dụng và mời Nguyễn Thị H (là vợ K); Nguyễn Trần Như P; Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị T; Trần Thị H sử dụng cùng. N1 là người liên lạc với người đàn ông (không rõ nhân thân, lại lịch) mua 5.000.000đ được 04 viên ma túy loại "kẹo", 01 túi ma túy loại "ke", D là người đi lấy ma túy mang về cho cả nhóm sử dụng. Đến 01 giờ 55 phút ngày 25/7/2021, bị Ph hiện, bắt quả tang.

- Kết quả kiểm tra, xác định: Tại phòng hát số 2222 có 11/14 người sử dụng ma túy; phòng 3333 có 05/05 người sử dụng ma túy; phòng 6666 có 7/9 người sử dụng ma túy; phòng 8888 có 14/14 người đều sử dụng trái phép chất ma túy (tổng số 37/42 người đều sử dụng trái phép chất ma túy loại MDMA và Ketamine).

- Thu giữ vật chứng:

+ Phòng 2222: Thu giữ chất tinh thể màu trắng bám Dh trên mặt đĩa sứ; 01 mảnh viên nén màu xanh thu giữ tại nền phòng; 01 vỏ túi nilon bên trong có bám Dh chất tinh thể màu trắng; 02 đĩa sứ; 01 ống hút bằng tờ tiền 50.000đ; 01 thẻ nhựa; 01 vỏ túi nilon. Ph khai nhận chất tinh thể màu trắng trên đĩa và trong

túi nylon là ma túy thường gọi là "ke", mảnh viên nén là ma túy thường gọi là "keo" của Ph mua để sử dụng còn lại. Tờ tiền polime là dụng cụ để Ph sử dụng ma túy; các đồ dùng còn lại là của quán chuẩn bị từ trước.

+ Phòng 3333: Thu giữ chất tinh thể trên đĩa sứ; 3 túi nylon bên trong có tám Dh chất tinh thể màu trắng; 01 túi nylon bên trong có 01 mảnh viên nén màu xanh; 01 đĩa sứ; 01 thẻ nhựa; 01 ống hút bằng tờ tiền polime 10.000đ; 01 bật lửa gas; 01 khò lửa; 01 bình gas mini. L khai nhận tờ tiền polime là của L dùng làm ống hút để sử dụng ma túy, số ma túy còn lại trên đĩa và 03 vỏ túi nylon đựng ma túy thường gọi là "ke" là của L chưa sử dụng hết; mảnh viên nén màu xanh hiện không xác định được của ai. Các đồ dùng còn lại là của quán chuẩn bị từ trước.

+ Phòng 6666: Thu giữ chất tinh thể màu trắng trên đĩa cho vào túi nylon, 03 vỏ túi nylon có tám Dh chất tinh thể màu trắng tại nền phòng; 01 đĩa; 01 ống hút làm bằng tờ tiền 20.000đ; 01 thẻ nhựa; 01 khò lửa; 01 bình ga mini và 01 bật lửa ga. H khai nhận tờ tiền polime là của H dùng làm ống hút để sử dụng ma túy, số ma túy còn lại trên đĩa và 03 vỏ túi nylon đựng ma túy thường gọi là "ke" là của H chưa sử dụng hết. Các đồ dùng còn lại là của quán chuẩn bị từ trước.

+ Phòng 8888: Thu giữ tại mặt bàn 01 đĩa sứ, trên mặt đĩa có chất tinh thể màu trắng; 01 ống hút được làm bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ; 01 thẻ nhựa. Các đối tượng khai nhận chất tinh thể màu trắng trên đĩa là ma túy thường gọi là "ke" còn lại, thẻ nhựa, tiền polime là dụng cụ để cả nhóm sử dụng ma túy. Tại mặt bàn bên trái 01 rổ để đồ, trong rổ có 01 túi nylon đựng 03 túi nylon nhỏ màu trắng đều chứa chất tinh thể màu trắng, các đối tượng khai nhận là chất ma túy "ke" còn lại chưa kịp sử dụng; Thu trên mặt sàn 01 túi nylon có kích thước (2,5 x 2,5)cm bên trong có chất tinh thể màu trắng; Tại mặt bàn bên phải 01 rổ để đồ, bên trong có 01 mảnh viên nén màu xanh; Thu tại nền phòng ở vị trí dưới gầm ghế ngồi đầu tiên bên trái tính từ cửa vào có 01 mảnh viên nén màu cam và 1 mảnh viên nén màu xanh; Tại sàn phòng ở vị trí dưới gầm ghế ngồi, nhìn thẳng từ cửa vào (ngay sau vị trí Gi ngồi) có 01 mảnh viên nén màu tím nghi là ma túy, không xác định được của ai; 03 bật lửa gas đã qua sử dụng, 01 khò lửa, 01 bình ga mini là của quán BadBoy chuẩn bị sẵn cho các khách để sử dụng ma túy.

Quá trình bắt quả tang, Nhữ Văn T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Iphone XS Max lắp sim số 0976.685.889 và số tiền 25.990.000đ; quản lý 01 đầu ghi hình ảnh camera, 01 màn hình máy tính nhãn hiệu LG, 01 cây máy tính sử dụng để phục vụ hoạt động của quán BadBoy. Tiến hành khám xét chỗ ở của Phạm Văn N thu giữ 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu hồng của N dùng để liên lạc với T.

- Kết luận giám định số 410, 411/KLGD-PC09 ngày 27/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận vật chứng thu giữ tại các phòng:

+ Phòng 2222: Chất dạng tinh thể màu trắng thu trên mặt đĩa sứ có khối lượng là 0,011g là ma túy, loại Ketamine; Chất tinh thể màu trắng thu giữ trong túi nilon là ma túy có khối lượng 0,049g, loại Ketamine; Mảnh viên nén màu xanh thu giữ dưới nền phòng hát có khối lượng là 0,012g là ma túy, loại MDMA. Hoàn trả 0,024 gam Ketamine, 02 vỏ túi nilon, 03 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định.

+ Phòng 3333: Chất bột màu trắng trong các túi nilon thu giữ là ma túy, loại Ketamine, có tổng khối lượng là 0,306g; Chất tinh thể màu trắng trong 03 vỏ túi nilon gửi đến giám định là ma túy, loại Ketamine, do lượng mẫu bám dính trong 03 túi nilon rất nhỏ nên không xác định được khối lượng; Viên dạng nén màu xanh thu giữ là ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 0,153g. Hoàn trả 0,255g Ketamine, 0,113g MDMA 02 vỏ túi nilon, 03 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định.

+ Phòng 6666: Chất tinh thể màu trắng trong túi nilon có khối lượng là 0,102g là ma túy, loại Ketamine; Chất tinh thể màu trắng trong 03 vỏ túi nilon gửi đến giám định là ma túy, loại Ketamine, do lượng mẫu bám dính trong 03 túi nilon rất nhỏ nên không xác định được khối lượng. Hoàn trả 0,088g ma túy loại Ketamine, 04 vỏ túi nilon, 02 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định.

+ Phòng 8888: Chất tinh thể màu trắng thu trên đĩa sứ có khối lượng 0,144g là ma túy, loại Ketamine; Chất tinh thể màu trắng trong 03 túi nilon nhỏ có khối lượng là 2,165g là ma túy, loại Ketamine. Chất tinh thể màu trắng trong túi nilon thu giữ trên nền phòng có khối lượng 0,008g là ma túy, loại Ketamine; 01 mảnh viên nén màu xanh thu giữ trong rổ để đồ trên mặt bàn bên phải có khối lượng 0,094g là ma túy, loại MDMA; 01 mảnh viên nén màu cam có khối lượng là 0,117g và 01 mảnh viên nén màu xanh có khối lượng 0,075g đều là ma túy, loại MDMA; 01 mảnh viên nén màu tím có khối lượng 0,140g là ma túy, loại MDMA.

MDMA - STT 27 Danh mục I; Ketamine - STT 35 Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ

Vật chứng của vụ án: Số tiền 25.990.000đ thu giữ của Nhữ Văn T; 0,112g ma túy loại Ketamine, 06 vỏ túi nilon, 05 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định thu giữ tại phòng 2222 và 6666; 02 đĩa sứ, 01 ống hút bằng tơ

tiền 50.000đ, 01 thẻ nhựa (vật chứng tại phòng 2222); 01 đĩa sứ, 01 ống hút làm bằng tờ tiền 20.000đ, 01 thẻ nhựa, 01 khò lửa, 01 bình gas mini và 01 bật lửa gas (vật chứng tại phòng 6666); 01 đầu ghi hình ảnh camera, 01 màn hình máy tính nhãn hiệu LG, 01 cây máy tính, 01 điện thoại IphoneXS Max lắp sim số 0976.685.889; 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu hồng hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 28/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS và truy tố Nhữ Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về các tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và bị cáo Nhữ Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T; Điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn N; Điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn T, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 08 năm 03 tháng tù đến 08 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt với 30 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng tại Bản án phúc thẩm số 118/2018/HS-PT ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 10 năm 09 tháng đến 11 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/8/2021.

Xử phạt bị cáo Nhữ Văn T từ 08 năm 03 tháng đến 08 năm 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải

chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 16 năm 03 tháng đến 17 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/7/2021.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 255 BLHS, phạt tiền các bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T, mỗi bị cáo từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 3.200.000đ; 01 ống hút bằng tờ tiền 50.000đ và 01 ống hút làm bằng tờ tiền 20.000đ.

+ Trả lại cho bị cáo Nhữ Văn T số tiền 22.790.000đ.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 0,112g ma túy loại Ketamine hoàn lại sau giám định; 03 đĩa sứ, 02 thẻ nhựa, 01 khò lửa, 01 bình gas mini, 01 bật lửa gas, 06 vỏ túi nilon và 05 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi đến giám định.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn N 01 đầu ghi màu trắng, phía trên ghi UNV, phía dưới ghi NVR031-04LB; 01 màn hình máy tính màu trắng, nhãn hiệu LG và 01 cây máy vi tính màu trắng, trên nắp có ghi SAMA.

+ Tịch thu, Ph mại, sung quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng gắn 01 sim thu của bị cáo T và 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu hồng, mặt sau bị nứt vỡ thu của bị cáo N.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người làm chứng; phù hợp với biên bản vụ việc, các kết luận giám định, kết quả thu giữ điện tín, kết quả kiểm tra và giải trình điện thoại, hình ảnh camera thu giữ tại hiện trường, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng 22 giờ ngày 24/7/2021 đến 01 giờ 55 phút ngày 25/7/2021, tại quán Karaoke BadBoy có địa chỉ ở thôn LP, xã HT, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn N là chủ quán, trực tiếp quản lý. điều hành mọi hoạt động của quán có hành vi sử dụng địa điểm, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy như thẻ nhựa, đĩa sứ và chỉ đạo Nhữ Văn T là nhân viên của quán (được giao quản lý quán đêm ngày 24, rạng ngày 25/7/2021) chuẩn bị khò lửa, bình gas, thẻ nhựa,... để cho 37 người sử dụng trái phép chất ma túy trong 4 phòng hát là 2222, 3333, 6666, 8888. Ngoài hành vi nêu trên, còn làm rõ Nhữ Văn T có hành vi bán trái phép 0.06g ma túy loại Ketamine và 0,012g ma túy, loại MDMA cho Hoàng Kim P với giá 3.200.000đ và bán 0,102g ma túy loại Ketamine cho Nguyễn Ngọc K với giá 6.800.000đ (H chưa trả tiền T) thì bị Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương phối hợp với Công an huyện Bình Giang và Công an xã HT Ph hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ tác hại của chất ma túy cũng như mọi hành vi trái phép liên quan đến chất ma túy đều bị pháp luật Ng cấm, vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo N là chủ quán Karaoke Badboy đã có hành vi chỉ huy, phân công, điều hành việc cung cấp địa điểm (phòng hát), dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo T nhận sự phân công của N trực tiếp bố trí sắp xếp địa điểm, dụng cụ dùng vào việc sử dụng ma túy cho khách tại quán, hành vi của các bị cáo thực hiện đã dẫn đến việc 37/42 người sử dụng trái phép chất ma túy loại MDMA và Ketamine tại 04 phòng hát của quán Karaoke Badboy do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung là “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại thời điểm bị Ph hiện, cơ quan điều tra còn làm rõ bị cáo Nhữ Văn T còn có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Hoàng Kim P và Nguyễn Ngọc K tại các thời điểm khác nhau

để thu lợi nên hành vi của bị cáo T thực hiện còn cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T là đồng phạm đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần đánh giá về vị trí và vai trò của từng bị cáo. Quá trình điều tra xác định, bị cáo N là chủ quán, là người trực tiếp chỉ huy, phân công, điều hành trong việc cung cấp địa điểm và dụng cụ để cho khách sử dụng trái phép chất ma túy nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Nhữ Văn T thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật theo sự điều hành của N nên là người thực hành và giữ vai trò sau trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo N có nhân thân xấu (01 tiền án năm 2018 chưa được xóa án tích); bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N có 01 tiền án tại bản án số 118/2018/HSPT ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Hải Dương chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo đều nhận thức được tác hại của chất ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thể hiện ý thức coi thường pháp luật do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Trong vụ án này, bị cáo N giữ vai trò thứ nhất, bị cáo T giữ vai trò người thực hành trong vụ án đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên mức hình phạt bị cáo N phải cao hơn bị cáo T.

Bị cáo N chưa thi hành phần hình phạt tại Bản án số 118/2018/HSPT ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Hải Dương nên cần áp dụng khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T phạm 02 tội là Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Mua bán trái phép chất ma túy nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của cả hai tội theo quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là tội rất Ng trọng, thể hiện ý thức coi thường Ph luật nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 25.990.000đ thu giữ của Nhữ Văn T xác định trong đó có 3.200.000đ tiền do T bán ma túy cho Hoàng Kim P mà có nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước đối với số tiền 3.200.000đ. Đối với số tiền còn lại không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T.

Đối với tờ tiền 50.000đ và tờ tiền 20.000đ thu giữ tại phòng hát 2222, 3333 được các đối tượng cuộn lại thành ống hút dùng để sử dụng ma túy nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước đối với 02 tờ tiền nêu trên.

Đối với 0,112g ma túy loại Ketamine hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành; 03 đĩa sứ, 02 thẻ nhựa, 01 khò lửa, 01 bình gas mini, 01 bật lửa gas là công cụ các đối tượng dùng để sử dụng ma túy, không còn giá trị sử dụng; 06 vỏ túi nilon, 05 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi đến giám định là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy đối với các vật chứng nêu trên.

Đối với 01 điện thoại Iphone XS Max lắp sim số 0976.685.889 thu của bị cáo Nhữ Văn T và 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu hồng thu của bị cáo Phạm Văn N là điện thoại các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, Ph mại, sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 đầu ghi hình ảnh camera, 01 màn hình máy tính nhãn hiệu LG, 01 cây máy tính không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Phạm Văn N các tài sản nêu trên.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với 0,153g ma túy loại MDMA và 0,306g ma túy loại Ketamine thu giữ tại phòng 3333, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương đã ra

quyết định K tố vụ án hình sự 59 ngày 27/7/2021 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra chưa xác định được của ai, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án và tách toàn bộ số vật chứng là mẫu vật hoàn lại sau giám định đã thu giữ tại phòng 3333 để giải quyết trong cùng vụ án sau.

Đối với 0,426g MDMA và 0,008g Ketamine thu giữ tại phòng 8888, quá trình điều tra chưa xác định được của ai. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang đã ra Quyết định K tố vụ án hình sự số 89 ngày 14/12/2021 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tách số vật chứng còn lại sau giám định ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Vũ Đình N1, Vũ Văn D, Vũ Đình Gi, Lê Đức K, Lê Đức Ph, Vũ Bá Đ, Vũ Đình T, Lê Đức Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã ban hành Cáo trạng số 15 ngày 15/02/2022 để truy tố các đối tượng nêu trên về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự do vậy không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Đối với nguồn gốc số ma túy Nhữ Văn T bán cho Hoàng Kim P và Nguyễn Ngọc K là do T mua của người đàn ông tên Đ; số ma túy Trần Văn L và nhóm của Vũ Văn N1 mua của người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch, quá trình điều tra không xác định được là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Hoàng Kim P, Trần Văn L, Nguyễn Ngọc K có hành vi mua ma túy vào trong phòng hát nhưng mục đích để sử dụng cho bản thân, không mời hay rủ rê người khác sử dụng ma túy, những người có trong phòng đều tự lấy ma túy sử dụng, Ph, L, H không biết họ sử dụng ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Nguyễn Khắc ĐT và Nguyễn Thái H chỉ là nhân viên phục vụ, quét dọn tại quán Karaoke Badboy nhưng không tham gia với bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Hoàng Kim P có hành vi mua và tàng trữ trái phép 0,06g ma túy loại Ketamine và 0,012g ma túy loại MDMA, Trần Văn L có hành vi mua và tàng trữ trái phép 0,306g ma túy loại Ketamine; Nguyễn Ngọc K có hành vi tàng trữ 0,102g ma túy Ketamine nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm; hành vi vi phạm hoạt động kinh doanh trong thời điểm diễn ra dịch Covid-19 của Phạm

Văn N; hành vi không đeo khẩu trang của 45 người tại 4 phòng hát và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của 37 đối tượng trong vụ án đều đã được Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Giang tách ra và chuyển vụ việc vi phạm hành chính đến Công an huyện Bình Giang để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T; Điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn N; Điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn T.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Nhữ Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Phạm Văn N **08 (tám)** năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt với 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án phúc thẩm số 118/2018/HS-PT ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **10 (mười)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/8/2021.

2.2 Xử phạt bị cáo Nhữ Văn T **08 (tám)** năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và **07 (bảy)** năm **09 (chín)** tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt

chung của cả hai tội là **15** (mười lăm) năm **09** (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/7/2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T, mỗi bị cáo số tiền là 50.000.000đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” sung quỹ nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 3.200.000đ; 01 ống hút bằng tờ tiền 50.000đ và 01 ống hút làm bằng tờ tiền 20.000đ. Trả lại cho bị cáo Nhữ Văn T số tiền 22.790.000đ (*Số tiền nêu trên được niêm phong trong 01 phong bì thư niêm phong phía trên bì thư có ghi dòng chữ 26.060.000đ trong vụ Mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 24/7/2021 tại LP, Hùng Thắng, Bình Giang, Hải Dương có chữ ký của người kiểm định tiền và dấu giáp lai của Ngân hàng Nông nghiệp và Ph triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Bình Giang*).

+ Tịch thu, tiêu hủy: 03 đĩa sứ, 02 thẻ nhựa, 01 khò lửa, 01 bình gas mini, 01 bật lửa gas.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật ghi “Phòng 2222 – chất dạng tinh thể màu trắng thu giữ được trên mặt đĩa sứ” (ký hiệu M1); 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật ghi “Phòng 2222 – Mảnh cục màu xanh thu giữ dưới nền phòng hát” (ký hiệu M2); 0,024g ma túy loại Ketamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật ghi “Phòng 2222 – Túi nilon chứa chất dạng tinh thể màu trắng thu giữ dưới nền phòng hát” (ký hiệu M3); 0,088g ma túy loại Ketamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật ghi “Phòng 6666 – Gói ma túy” (ký hiệu M7); 03 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật ghi “Phòng 6666 – Túi nilon” (ký hiệu M8) (*Là mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư ghi số 411/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương*).

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn N 01 đầu ghi màu trắng, phía trên ghi UNV, phía dưới ghi NVR031-04LB; 01 màn hình máy tính màu trắng, nhãn hiệu LG và 01 cây máy vi tính màu trắng, trên nắp có ghi SAMA.

+ Tịch thu, Ph mại, sung quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng gắn 01 sim thu của bị cáo T và 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu hồng, mặt sau bị nứt vỡ thu của bị cáo N (các điện thoại đều đã qua sử dụng và không kiểm tra tính năng sử dụng).

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bình Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 15 tháng 4 năm 2022).

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N và Nhữ Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ - CA huyện Bình Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hải